TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 5- 2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Mạnh Thìn,

- Bà Trần Thị Dần.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm: 1995

Nơi ĐKHKTT: Thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Quách Văn N, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà vắng mặt chị L và anh N. Chị L và anh N đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị L và anh Quách Văn N kết hôn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 25/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ, chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị L và anh N đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Quách Văn N.

Về con chung: Vợ, chồng có 01 con chung là cháu Quách Tuấn M; giới tính: Nam; sinh ngày 20/6/2014. Sau khi ly hôn, chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng nuôi cháu M từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11/5/2023 anh Quách Văn N trình bày:

Về hôn nhân: Anh N và chị Bùi Thị Liên kết h tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 25/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ, chồng thường xuyên đi làm không ở cạnh nhau nên phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Anh N và chị L đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay không ai quan tâm đến ai. Hiện nay, xét thấy tình cảm không còn nữa, chị L có làm đơn xin ly hôn với anh tại Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành. Anh N xét thấy tình cảm vợ, chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ, chồng có 01 con chung là cháu Quách Tuấn M; sinh ngày 20/6/2014. Khi ly hôn, anh N đồng ý giao cháu M cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi cháu Quách Tuấn M cùng chị L mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng nuôi cháu M từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); Nguyên đơn tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, bị đơn chưa tham gia và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 58; 81; 82; 83; 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

- Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Quách Văn N.

- Về con chung: Giao cháu Quách Tuấn M; sinh ngày 20/6/2014 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N cấp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng nuôi cháu M từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

- Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn. Anh N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Quách Văn N. Anh N cư trú tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị L và anh N đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng cả hai đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt chị L và anh N.

[2] Đây là vụ án Hôn nhân gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án, nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như Viện kiểm sát được biết.

[3] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Quách Văn N kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 25/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị L và anh N đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ chị L và anh N đã không còn tình cảm với nhau, cuộc sống vợ chồng không còn tồn tại, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Quách Văn Nghĩa l phù hợp.

[4] Về con chung: Chị Bùi Thị L và anh Quách Văn N có 01 con chung là cháu Quách Tuấn M; sinh ngày 20/6/2014. Chị L và anh N đều có nguyện vọng giao cháu

M cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng của hai bên là chính đáng. Do đó chấp nhận yêu cầu của chị L và anh N. Sau khi vợ chồng ly hôn, giao cháu Quách Tuấn M cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Xét về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Trong bản tự khai anh N đề nghị cấp dưỡng nuôi cháu Quách Tuấn M cùng chị L mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng nuôi cháu M từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét: Chị L yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) là hơi cao. Anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với khả năng về kinh tế của anh N. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của anh N về cấp dưỡng nuôi cháu Quách Tuấn M cùng chị L mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng nuôi cháu M từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi là phù hợp.

[7] Về tài sản: Chị L và anh N không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn; Anh N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; 58; 81; 82; 83; 107, 116; 117 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của ủy ban thường vụ quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Quách Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Quách Tuấn M(giới tính: Nam); sinh ngày 20/6/2014 cho chị Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Quách Văn N phải cấp dưỡng nuôi cháu Quách Tuấn M cùng chị L mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng nuôi cháu M từ tháng 06/2023 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Anh Quách Văn N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2021/0007967 ngày 27/02/2023. Chị L đã nộp đủ số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Quách Văn N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Bùi Thị L và anh Quách Văn N. Chị L, anh N có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thành Minh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Bùi Văn Tuấn